Chi tiết mã HS 1504.30.00

Mã HS	1504.30.00
Mô tả hàng hóa	Mỡ và dầu và các phần phân đoạn của chúng, từ cá hoặc các loài động vật có vú sống ở biển, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không thay đổi về mặt hóa học / - Mỡ và dầu và các phần phân đoạn của chúng, từ động vật có vú sống ở biển
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 05:24:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/15043000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K1884
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N1884
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q1884
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0,6	0,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0,6	0,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	1,2/0; M: 1,9/0	1,2/0; M: 1,9/0	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E1874
ATIGA	2022	2022	0	AT!E1847
ATIGA	2023	2023	0	AT!F1847
ATIGA	2024	2024	0	AT!G1847
ATIGA	2025	2025	0	AT!H1847
ATIGA	2026	2026	0	AT!I1847
ATIGA	2027	2027	0	AT!J1847
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E1877
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F1877
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G1877

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H1877
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I1877
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J1877
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E1879
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F1879
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G1879
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H1879
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I1879
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J1879
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F1881
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H1849
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F1849
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G1849
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H1849
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I1849
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J1849
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K1849
VKFTA	2022	2022	0	VK!E1847
VKFTA	2023	2023	0	VK!F1847
VKFTA	2024	2024	0	VK!G1847
VKFTA	2025	2025	0	VK!H1847
VKFTA	2026	2026	0	VK!I1847
VKFTA	2027	2027	0	VK!J1847
VCFTA	2022	2022	2	VC!D1888
VCFTA	2023	2023	1	VC!E1888
VCFTA	2024	2024	0	VC!F1888

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G1888
VCFTA	2026	2026	0	VC!H1888
VCFTA	2027	2027	0	VC!I1888
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D1887
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E1887
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F1887
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G1887
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H1887
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I1887
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D1893
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E1893
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F1893
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G1893
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H1893
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I1893
EVFTA	2022	2022	3,1	EV-NK!D1850
EVFTA	2023	2023	2,5	EV-NK!E1850
EVFTA	2024	2024	1,8	EV-NK!F1850
EVFTA	2025	2025	1,2	EV-NK!G1850
EVFTA	2026	2026	0,6	EV-NK!H1850
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I1850
UKVFTA	2022	2022	3,1	UKV!D1852
UKVFTA	2023	2023	2,5	UKV!E1852
UKVFTA	2024	2024	1,8	UKV!F1852
UKVFTA	2025	2025	1,2	UKV!G1852
UKVFTA	2026	2026	0,6	UKV!H1852

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I1852
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)		CPTPP!1850
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)		CPTPP!1850
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)		CPTPP!1850
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)		CPTPP!1850
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)		CPTPP!1850
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)		CPTPP!1850
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)		CPTPP!1850
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D1879
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E1879
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F1879
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G1879
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H1879
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I1879
RCEP B	2022	2022	0	B!D1879
RCEP B	2023	2023	0	B!E1879
RCEP B	2024	2024	0	B!F1879
RCEP B	2025	2025	0	B!G1879
RCEP B	2026	2026	0	B!H1879
RCEP B	2027	2027	0	B!I1879
RCEP C	2022	2022	0	C!D1879
RCEP C	2023	2023	0	C!E1879
RCEP C	2024	2024	0	C!F1879
RCEP C	2025	2025	0	C!G1879
RCEP C	2026	2026	0	C!H1879
RCEP C	2027	2027	0	C!I1879

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D1879
RCEP D	2023	2023	0	D!E1879
RCEP D	2024	2024	0	D!F1879
RCEP D	2025	2025	0	D!G1879
RCEP D	2026	2026	0	D!H1879
RCEP D	2027	2027	0	D!I1879
RCEP E	2022	2022	0	E!D1882
RCEP E	2023	2023	0	E!E1882
RCEP E	2024	2024	0	E!F1882
RCEP E	2025	2025	0	E!G1882
RCEP E	2026	2026	0	E!H1882
RCEP E	2027	2027	0	E!I1882
RCEP F	2022	2022	0	F!D1879
RCEP F	2023	2023	0	F!E1879
RCEP F	2024	2024	0	F!F1879
RCEP F	2025	2025	0	F!G1879
RCEP F	2026	2026	0	F!H1879
RCEP F	2027	2027	0	F!I1879
VIFTA	2024	2024	4,5	VI!F1745
VIFTA	2025	2025	4	VI!G1745
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H1745
VIFTA	2027	2027	3	VI!I1745

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1504.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 1504.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N1884), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.